

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói hàng hóa: Sản xuất áo gió thương hiệu cho VNA giai đoạn tháng 7-12/2019

Bên mời chào giá: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA)

Ngày 12 tháng 7 năm 2019

TUO TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN TRUYỀN THÔNG – THƯƠNG HIỆU



Lê Trường Giang

Số: **613** /TCTHK - TTTH

Hà Nội, ngày **12** tháng **7** năm 2019

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty cung cấp dịch vụ

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng và kính mời Quý công ty tham gia Chào giá sản xuất áo gió thương hiệu cho VNA giai đoạn tháng 7-12/2019.

Hồ sơ yêu cầu chào giá đính kèm.

Đề nghị Quý công ty nộp Hồ sơ đề xuất chậm nhất vào 9h00 (giờ Việt Nam), ngày **19** tháng **07** năm 2019 (trong giờ hành chính) tại:

Phòng Thương hiệu - Ban Truyền Thông – Thương Hiệu

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội - Việt Nam

Tel: 024. 38732732/2115

Mọi chi tiết xin liên hệ với Bên mời chào giá theo địa chỉ nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN TRUYỀN THÔNG – THƯƠNG HIỆU



Lê Trường Giang

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Thư mời chào giá	2
Mục lục	3
1. Yêu cầu hàng hóa	4
2. Yêu cầu về tư cách nhà cung cấp	4-5
3. Yêu cầu chào giá	5
4. Tiêu chuẩn đánh giá	5
5. Các yêu cầu khác	10
5.1 Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX	10
5.2 Làm rõ HSDX	11
5.3 So sánh giá chào	11
5.4 Thương thảo hợp đồng	11
5.5 Thông báo kết quả chào giá	11
5.6 Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	11
5.7 Xử lý vi phạm	11
5.8 Các biểu mẫu	11
Mẫu số 1: Đơn chào giá	12
Mẫu số 2: Giấy ủy quyền	13
Mẫu số 3: Biểu giá chào	14
Mẫu số 4 : Báo cáo hợp đồng do nhà cung cấp thực hiện	15

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
VNA	Tổng công ty Hàng không Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp

1. YÊU CẦU HÀNG HÓA

1.1 Tên hàng hóa dịch vụ: Sản xuất áo gió thương hiệu cho VNA giai đoạn tháng 7-12/2019

1.2 Nội dung, danh mục hàng hóa, số lượng như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo gió Nữ thương hiệu	Chiếc	200
2	Áo gió Nam thương hiệu	Chiếc	100
Tổng cộng			300

1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa:

1.2.1 Tiêu chuẩn hàng hóa: theo tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4 của HSYC.

1.2.2 Yêu cầu đóng gói: Theo tiêu chuẩn chung đối với sản phẩm xuất nhập khẩu quốc tế cho hàng may mặc.

- Mỗi sản phẩm được đóng trong túi ni lông dày; 50 chiếc cùng size, cùng chủng loại áo đóng trong thùng carton chất lượng tốt.
- Ngoài thùng carton có ghi chủng loại sản phẩm (áo Nam, áo Nữ) và số lượng.

1.3 Yêu cầu về sản phẩm mẫu cung cấp cùng HSDX:

1.3.1 Hàng mẫu phải hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn quy định tại Mục 4 của Hồ sơ yêu cầu và có kiểu dáng tương tự (hoặc gần giống) như thiết kế của VNA cung cấp theo HSYC.

1.3.2 Số lượng sản phẩm mẫu:

- 01 một sản phẩm mẫu (NCC được phép chọn sản phẩm là áo Nam hoặc Nữ nêu trên).
- Sản phẩm mẫu VNA sẽ trả lại NCC trong trường hợp không được VNA chọn.

1.4 Điều kiện, địa điểm, thời gian giao hàng:

1.4.1 Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho của Ban Truyền Thông – Thương Hiệu, 200 Nguyễn Sơn – Long Biên – Hà Nội.

1.4.2 Số lượng và thời gian giao hàng:

- Ngày ký xác nhận sản phẩm mẫu trước khi sản xuất hàng loạt: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian giao hàng: muộn nhất 120 ngày được tính kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP

2.1 Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực may mặc/giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo qui định của pháp luật (bản sao có dấu xác nhận của Công ty).

2.2 Có bản cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCTHK; không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật đấu thầu.

2.3 Nhà cung cấp tham gia chào giá với tư cách là Nhà cung cấp độc lập.

2.4 Nhà cung cấp có ít nhất 10 năm trong lĩnh vực may mặc (nêu rõ), hồ sơ nêu rõ năng lực doanh nghiệp, thông tin doanh nghiệp, các sản phẩm đã thực hiện, nêu rõ các sản phẩm đã thực hiện cho VNA (nếu có).

2.5 Nhà cung cấp có ít nhất 03 hợp đồng đã thực hiện cung cấp sản phẩm may mặc từ năm 2016 – 2019, trong đó phải có ít nhất 1 Hợp đồng cung cấp đồng phục với số lượng tối thiểu 1.000 sản phẩm, giá trị hợp đồng không nhỏ hơn 1,5 tỷ đồng.

2.6 Phải có các cửa hàng/chi nhánh sẵn sàng thực hiện các dịch vụ sau bán hàng (bảo hành sản phẩm), cung cấp địa chỉ cụ thể.

3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ

3.1 Giá chào là giá do nhà cung cấp nêu trong Đơn chào giá sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Thư giảm giá (nếu có).

3.2 Trường hợp nhà cung cấp có Thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có Thư giảm giá.

3.3 Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3, có chữ ký, con dấu của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (chi phí vận chuyển, thuế, phí đóng gói, bản quyền).

3.4 Đồng tiền chào giá: VND.

3.5 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản 100% giá trị hàng trong vòng 15 ngày sau khi VNA nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.

3.6 Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu và bàn giao sản phẩm
- Hóa đơn hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính
- Biên bản Thanh lý hợp đồng.

3.7 Sản phẩm mẫu gửi kèm chào giá để đánh giá điểm kỹ thuật gồm 01 sản phẩm mẫu áo gió Nam hoặc Nữ do đơn vị sản xuất có chất liệu, kiểu dáng tương tự (hoặc gần giống) như thiết kế do VNA cung cấp. Hàng mẫu phải hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Mục 4.1 của Hồ sơ yêu cầu.

3.8 Thời gian nộp chào giá: Hồ sơ đề xuất gửi chậm nhất 9h00 (giờ Việt Nam) ngày 19 tháng 07 năm 2019.

3.9 Hiệu lực của chào giá: 60 ngày tính từ ngày hết hạn nhận Hồ sơ đề xuất của VNA.

4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

4.1 Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo tiêu chí đạt/ không đạt



TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Tính hợp lệ (chữ ký, thời gian) trong các tài liệu như Đơn chào giá, Giấy ủy quyền (nếu có), Biểu chào giá	Các tài liệu hợp lệ	Trong số các tài liệu có tài liệu không hợp lệ
2	Thời gian có hiệu lực của HSDX tối thiểu là (60 ngày) kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX	Thời gian hiệu lực của HSDX từ 60 ngày trở lên	Thời gian hiệu lực của HSDX ít hơn 60 ngày
3	Quy cách và thời gian nộp HSDX	- HSDX được chuẩn bị theo đúng các yêu cầu của HSYC và nộp trong thời gian quy định tại mục 5.1.3	- HSDX không đúng với các yêu cầu của HSYC và không được nộp trong thời gian quy định tại mục 5.1.3
4	Đầy đủ nội dung chào giá theo yêu cầu của HSYC	HSDX đầy đủ số lượng tài liệu và nội dung theo yêu cầu tại mục 5.1.1	HSDX không đáp ứng đầy đủ số lượng tài liệu và nội dung theo yêu cầu tại mục 5.1.1
4.1	<i>Đơn chào giá</i>	Có đơn chào giá	Không có đơn chào giá
4.2	<i>Giấy ủy quyền (nếu người ký ko phải là người đứng tên trong ĐKKD)</i>	Có giấy ủy quyền trong trường hợp người ký ko phải là người đứng tên trong ĐKKD	Không có giấy ủy quyền trong trường hợp người ký ko phải là người đứng tên trong ĐKKD
4.3	<i>Biểu giá chào</i>	Có biểu giá chào	Không có biểu giá chào
4.4	<i>Báo cáo hợp đồng tương tự do NCC thực hiện</i>	Có bản báo cáo về hợp đồng tương tự do NCC thực hiện	Không có bản báo cáo về hợp đồng tương tự do NCC thực hiện
4.5	<i>Cam kết thực hiện dịch vụ</i>	Có bản cam kết thực hiện dịch vụ	Không có bản cam kết thực hiện dịch vụ
4.6	Hàng mẫu theo yêu cầu tại mục 1	Có hàng mẫu	Không có hàng mẫu
4.7	Chào giá bằng đồng Việt Nam	Chào giá bằng đồng Việt Nam	Chào giá không bằng đồng Việt Nam
	KẾT LUẬN	Đáp ứng tất cả các nội dung trên	Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên

Các NCC đạt tất cả tiêu chí tại mục 4.1. sẽ tiếp tục được đánh giá về năng lực kinh nghiệm tại mục 4.2.

4.2 Tiêu chuẩn về đánh giá năng lực kinh nghiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực may mặc/giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo qui định của pháp luật (bản sao có dấu xác nhận của Công ty).	Có	Không
2	Có bản cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với VNA; không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật đấu thầu.	Có	Không
3	Số năm hoạt động trong lĩnh vực may mặc	≥ 10 năm	<10 năm
4	Báo cáo thực hiện các hợp đồng về cung cấp dịch vụ sản xuất may mặc theo qui định tại HSYC (mẫu số 4)	≥ 03 Hợp đồng	< 03 Hợp đồng
5	Phải có các cửa hàng/chi nhánh sẵn sàng thực hiện các dịch vụ sau bán hàng (bảo hành sản phẩm).	Có	Không
	Kết luận	Đạt tất cả nội dung trên	Không Đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên

Các NCC đạt tất cả tiêu chí tại mục 4.2. sẽ tiếp tục được đánh giá về kỹ thuật tại mục 4.3

4.3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật:

4.3.1 Mô tả về Thiết kế:

Tên/loại hàng hóa	Mô tả yêu cầu kỹ thuật
Áo gió Nam thương hiệu (Thiết kế chi tiết gửi kèm)	- Thành phần vải 100% Poly, mật độ sợi 75*75D/310T, trọng lượng vải 104g/m2, màu xanh theo Panton màu do VNA cung cấp, có logo VNA dệt chìm trên mặt vải. - Cổ đứng - Thêu logo VNA trên ngực trái - Thân áo và túi có dây kéo - Thân trước và thân sau có rã trang trí - Tay và lai áo có thun tạo độ co giãn
Áo gió Nữ thương hiệu (Thiết kế chi tiết gửi kèm)	- Thành phần vải 100% Poly, mật độ sợi 75*75D/310T, trọng lượng vải 104g/m2, màu xanh theo Panton màu do VNA cung cấp, có logo VNA dệt chìm trên mặt vải. - Cổ đứng - Tay raglan có viền màu phối

	– Thêu logo VNA trên ngực trái – Thân áo và túi có dây kéo – Tay và lai áo có thun tạo độ co giãn
--	---

4.3.2 Tiêu chuẩn kỹ thuật may: (áo gió Nam và Nữ)

a/Quy trình mật độ mũi chỉ:

- Các đường may và điều: 4 mũi/cm
- Đường may 1 kim: Các đường lắp ráp
- Cự ly các đường điều:
 - + 0.15cm: túi trước, nẹp ve trong, đáy đô, dây treo giữa cổ, nhãn chính, lá cổ, túi điện thoại, vòng nách (áo nữ)
 - + 0.5cm: vòng nách và các đường điều trang trí áo nam
- Đường vắt sổ:
 - + 5 chỉ (bờ vs: 0.5cm): ráp sườn, tra vòng nách, sườn thân trước, sườn thân sau, nẹp ve, lót túi
 - + 3 chỉ (bờ vs: 0.5cm): lai áo, lai tay

b/Yêu cầu may:

- Qui cách may theo tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu.
- Các công đoạn may ráp sử dụng các máy móc, thiết bị chuyên dụng: Máy ép thân, ép vòng nách, máy tra tay ... đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật;
- Sử dụng chất liệu keo Wendler xuất xứ từ Đức
- Lắp ráp đúng số, đúng size, đúng bản cắt, đảm bảo độ đồng màu của sản phẩm.
- Tất cả các đường lắp ráp không co rút, nhăn vắn đúng cự li quy định.
- Đường chỉ may phải sắc sảo, không được nổi chỉ, đảm bảo sức căng của chỉ
- Các chi tiết đối xứng phải bằng nhau
- Điều thun tay áo và lai áo phải đều, đúng cự li quy định
- Đúp áo chính và lót chính xác không làm biến dạng sản phẩm.

Tất cả các công đoạn may phải thực hiện ủ các chi tiết sau khi may, kiểm tra công đoạn trước khi thực hiện công đoạn tiếp theo theo đúng qui trình kỹ thuật.

Với các yêu cầu trên, VNA sẽ chấm điểm kỹ thuật thông qua sản phẩm mẫu của NCC gửi kèm HSDX chi tiết như sau:

Stt	Yêu cầu của VNA	Đạt	Không đạt
1	Về khả năng cung cấp (có cam kết)		
1.1	Đáp ứng cung cấp của từng chủng loại theo thiết kế của VNA	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng
	Áo gió thương hiệu Nam: 100		
	Áo gió thương hiệu Nữ: 200		
1.2	Đáp ứng cung cấp vải theo yêu cầu của VNA	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng
	Thành phần nguyên liệu: 100% Poly, trọng lượng: 104g/m ² Màu sắc Pantone màu của VNA: sắc nét, rõ ràng		

	Hình thức: có logo VNA dệt chìm trên mặt vải		
1.3	Đáp ứng nhãn mác theo yêu cầu của VNA	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng
2	Đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, mẫu mã sản phẩm		
2.1	Kiểu dáng: Cổ đứng, thêu logo trên ngực trái, thân áo và túi có dây kéo, tay và lai áo có thun tạo độ co giãn	Đáp ứng về kiểu dáng	Không đáp ứng
2.2	Đảm bảo độ đồng màu của sản phẩm Tất cả các đường lắp ráp không co rút, nhăn vụn đúng cự li quy định	Đáp ứng các yêu cầu về độ đồng màu, đường lắp ráp	Không đáp ứng
2.4	Đường chỉ may phải sắc sảo, không được nổi chỉ, đảm bảo sức căng của chỉ	Đáp ứng yêu cầu về đường chỉ may	Không đáp ứng
2.5	Các chi tiết đối xứng phải bằng nhau	Đáp ứng kỹ thuật	Không đáp ứng
2.6	Diều thun tay áo và lai áo phải đều, đúng cự li quy định	Đáp ứng kỹ thuật	Không đáp ứng
2.7	Đúp áo chính và lót chính xác không làm biến dạng sản phẩm	Đáp ứng kỹ thuật	Không đáp ứng
2.8	Logo thêu trên ngực trái phải cân đối, sắc nét	Đáp ứng kỹ thuật	Không đáp ứng
3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành (Cam kết)	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng
3.1	Thời gian bảo hành: 03 tháng	Đáp ứng thời gian	Không đáp ứng
3.2	Thực hiện việc sửa chữa, thay thế những sản phẩm không đạt yêu cầu trong thời gian và phạm vi bảo hành ngay sau khi được báo 48 giờ	Đáp ứng thời gian	Không đáp ứng
4	Giao hàng không chậm hơn 120 ngày được tính kể từ khi hợp đồng có hiệu lực (Cam kết)	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng

Các NCC đạt tất cả tiêu chí tại mục 4.3. sẽ tiếp tục được đánh giá về giá tại mục 4.4

4.4 Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Các hồ sơ đạt tất cả tiêu chí của mục 4.1; 4.2; 4.3 sẽ tiếp tục được đánh giá về mức giá. Nhà cung cấp nào có tổng mức giá chào thấp nhất sẽ được chọn. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 NCC có tổng giá chào bằng nhau và thấp nhất thì việc lựa chọn sẽ được căn cứ theo các yếu tố sau:

- Đã hợp tác với VNA và được đánh giá tốt trong quá trình hợp tác.
- Cung cấp mức giảm giá tốt nhất.

5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

5.1. Các qui định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX:

5.1.1. Nội dung của HSDX

a) HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp liên quan đến việc Chào giá phải được viết bằng tiếng Việt.

b) HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp (Giấy đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp bản công chứng hoặc chứng thực) còn hiệu lực.

- Đơn chào giá theo Mẫu số 1, có chữ ký và dấu của người đại diện hợp pháp của đơn vị sản xuất (người đại diện theo pháp luật của đơn vị hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2);

- Giấy ủy quyền (nếu có) theo Mẫu số 2 .

- Biểu giá chào theo Mẫu số 3.

- Báo cáo Hợp đồng theo mẫu số 4

- Các bản cam kết theo qui định trong HSYC

- Các tài liệu khác:

+ Hàng mẫu gồm 01 áo gió (Nam hoặc Nữ) có thiết kế tương đương (hoặc gần giống) như Thiết kế của VNA.

+ Giới thiệu các sản phẩm đã thực hiện tương tự (nếu có).

5.1.2. Thời gian có hiệu lực của HSDX

HSDX có hiệu lực 60 ngày kể từ ngày nộp HSDX .

5.1.3 Chuẩn bị và nộp HSDX

a) HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không được tẩy xóa, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký, đóng dấu. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu.

b) HSDX được bỏ trong 1 phong bì/thùng, có niêm phong và đóng dấu.

c) Nhà cung cấp nộp HSDX đến Bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX 09h00 ngày 19 tháng 07 năm 2019. HSDX của nhà sản xuất gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

Địa điểm nộp HSDX:

Ms. Nguyễn Phương Hoa – Phòng Thương Hiệu, Ban Truyền Thông Thương Hiệu

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP.
Hà Nội - Việt Nam - Tel: 024.38732732/2115

5.2. Làm rõ HSDX

5.2.1. Trong quá trình đánh giá HSDX, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu (Giấy đăng ký kinh doanh, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu

khác) theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

5.2.2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (Bên mời chào giá mời nhà cung cấp đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời được lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (Bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà cung cấp phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ sẽ quy định thời hạn làm rõ của nhà cung cấp. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được Bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX.

Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc Nhà cung cấp có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5.3. So sánh giá chào:

a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

b) Trường hợp một số Nhà cung cấp có giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá ngang nhau và thấp nhất trong các chào giá, Bên mời chào giá sẽ xếp hạng Nhà cung cấp theo thứ tự ưu tiên về so sánh các điều kiện chào tốt hơn/có lợi hơn cho Bên mời chào giá như: Đơn vị đã hợp tác với VNA và được đánh giá tốt trong quá trình hợp tác (giao hàng đầy đủ đúng hạn, chất lượng sản phẩm đúng yêu cầu).

5.4. Thương thảo hợp đồng

Việc thương thảo hợp đồng sẽ được thực hiện giữa VNA và nhà cung cấp được lựa chọn. Nội dung thương thảo hợp đồng bao gồm: dự thảo hợp đồng.

5.5. Thông báo kết quả chào giá

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, Bên mời chào giá gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp đến tất cả các nhà cung cấp tham gia nộp HSDX. Đối với nhà cung cấp được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng kèm theo dự thảo hợp đồng.

5.6. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng:

Hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà cung cấp được duyệt.

5.7. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà cung cấp có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác liên quan.

5.8 Các biểu mẫu:

Mẫu số 1: Đơn chào giá

Mẫu số 2: Giấy Ủy Quyền

Mẫu số 3: Biểu giá Chào

Mẫu số 4: Báo cáo hợp đồng NCC đã thực hiện

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời chào giá]

(sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói hàng hóa/dịch vụ ____ [Ghi tên gói hàng hóa, dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà cung cấp bị coi là vi phạm Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 5.7 của HSYC này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [*Ghi tên gói hàng hóa/dịch vụ*] do ____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*] tổ chức:

- [- Ký đơn Chào giá;*
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với đơn chào giá theo quy định tại điểm b Mục 5.1.1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO**1. Nội dung cung cấp**

Đơn vị tính; VNĐ

TT	Danh mục hàng hóa	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá trọn gói (gồm chi phí vận chuyển, phí đóng gói, bản quyền, thuế VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(3)x(5)
1.					
2.					
...	...				

- Giá trị giảm giá (nếu có).
- Cam kết của Nhà cung cấp về đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp hàng hóa theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4 HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

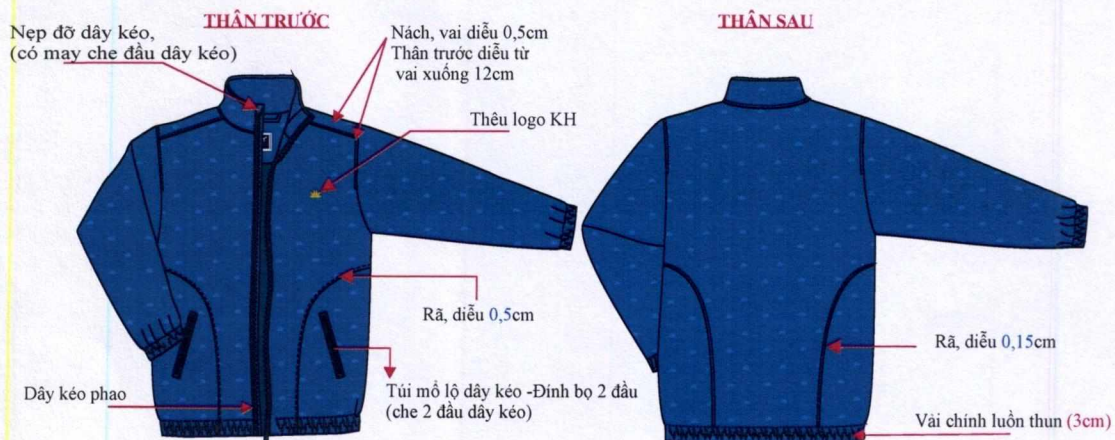
Về cung cấp dịch vụ tương tự từ 2016 - 2019

Tên Nhà cung cấp: _____

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác ký hợp đồng	Địa chỉ đối tác	Điện thoại /fax/email của đối tác	Giá trị hợp đồng (VND)
1						
2						
3						
4						
5						

Mẫu thiết kế áo gió Thương hiệu

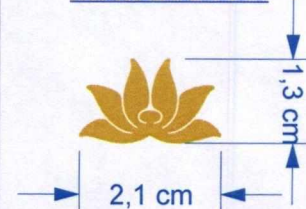
ÁO NAM



CHI TIẾT LÓT TRONG



THÔNG SỐ LOGO

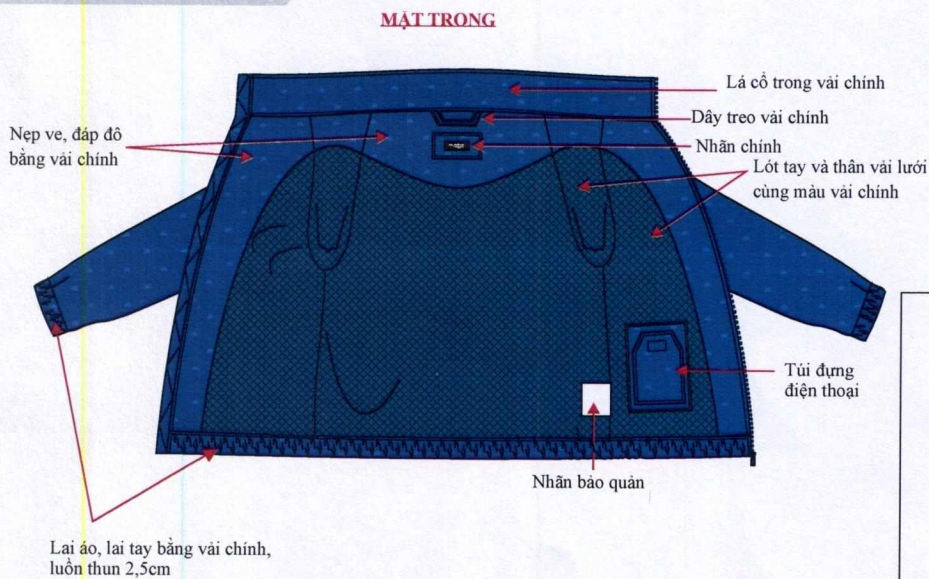


Mẫu thiết kế áo gió Thương hiệu

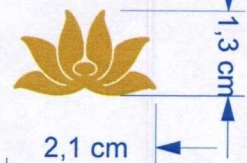
ÁO NỮ



CHI TIẾT LÓT TRONG



THÔNG SỐ LOGO



Handwritten signature